

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 347/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X1, sinh năm 1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VL, xã LN, thị xã K, tỉnh H.

Địa chỉ: Thôn Vũ Xá, xã TV, huyện K1, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Tạ Văn H1, sinh năm 1989.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VL, xã LN, thị xã K, tỉnh H.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Số 5-Cục C10-Bộ Công an.

Chị X1, anh H1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị X1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Tạ Văn H1, sinh năm 1989 vào ngày 15/4/2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã LN, thị xã K. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh H1 chung sống. Vợ chồng ăn riêng nhưng vẫn ở chung đất với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 mãi chơi, thường xuyên cờ bạc, đánh các tệ nạn xã hội. Năm 2014, sau khi cưới được 02 năm thì chị phát hiện anh H1 nghiện ma

túy. Sau khi gia đình động viên, anh H1 đã đi đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình bằng hình thức uống thuốc thay thế tại Trung tâm y tế thị xã K. Năm 2014, anh H1 có hành vi đánh bạc và bị Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Mặc dù chị và gia đình tích cực khuyên bảo, động viên nhưng anh H1 không chịu tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời, vi phạm pháp luật. Năm 2019, anh H1 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Sau khi ra tù được thời gian ngắn, anh H1 tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ xử phạt 39 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Sau khi anh H1 bị bắt, chị đã xin phép bố mẹ chồng đưa hai cháu về gia đình ngoại tại thôn Vũ Xá, xã TV, huyện K1, tỉnh H sinh sống từ tháng 11/2021 đến nay. Quá trình anh H1 chấp hành hình phạt tù tại trại giam thì lần đầu chị có đi thăm gặp và hàng tháng gửi tiền, đồ ăn cho anh H1 nhưng từ lần vi phạm sau này chị không đến thăm gặp anh H1 vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tạ Văn H1.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có hai con là Tạ Lê Duy A1, sinh ngày 12/3/2012 và Tạ Gia H2, sinh ngày 09/01/2017. Hiện cả hai con đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trước đây chị làm công nhân tại Công ty SamJong với mức thu nhập bình quân từ 8-9 triệu đồng/tháng. Vừa rồi do công ty ít việc nên chị mới chuyển công việc sang Công ty Formusta, địa chỉ: Khu công nghiệp Tiên Trung, Ái Quốc, thành phố H. Mức thu nhập ở công ty mới cũng giao động từ 8-10 triệu/tháng.

3. Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn- anh Tạ Văn H1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị X1 trình bày. Nay chị X1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Tạ Lê Duy A1, sinh ngày 12/3/2012 và Tạ Gia H2, sinh ngày 09/01/2017. Nay ly hôn, anh nhất trí giao cả hai con cho chị X1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Xuân. Xử cho chị Lê Thị X1 được ly hôn anh Tạ Văn H1; quan hệ về con chung: Giao cho chị Lê Thị X1 trực tiếp nuôi dưỡng các con Tạ Lê Duy A1, sinh ngày 12/3/2012 và Tạ Gia H2, sinh ngày 09/01/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Lê Thị X1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Tạ Văn H1 đăng ký HKTT tại: Thôn VL, xã LN, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X1 kết hôn với anh Tạ Văn H1 vào ngày 15/4/2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã LN, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh H1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 mãi chơi, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến nhiều lần thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự và đã bị Tòa án xử phạt tù. Hiện anh H1 đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Số 5-Cục C10-Bộ Công an. Tháng 11/2021, trong thời gian anh H1 chấp hành án, chị X1 đã đưa hai con về gia đình bên ngoại sinh sống. Chị X1 không đến thăm gặp anh H1. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị X1, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị X1 được ly hôn anh H1.

[3]. Quan hệ về con chung: Chị Lê Thị X1 và anh Tạ Văn H1 có hai con là Tạ Lê Duy A1, sinh ngày 12/3/2012 và Tạ Gia H2, sinh ngày 09/01/2017. Ly hôn, chị X1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; anh H1 nhất trí giao hai con cho chị X1 nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con của hai bên đương sự thì thấy: Anh Tạ Văn H1 hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam; chị Lê Thị X1 có công việc và thu nhập ổn định; các con do chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng, khỏe mạnh, phát triển bình thường và có nguyện vọng được ở với mẹ; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND xã LN, thị xã K đề nghị Tòa án giao các con cho chị X1 nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao các con cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị X1. Xử cho chị Lê Thị X1 ly hôn anh Tạ Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị X1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Tạ Lê Duy A1, sinh ngày 12/3/2012 và Tạ Gia H2, sinh ngày 09/01/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị X1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Tạ Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị X1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị X1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2023/0000030 ngày 12/10/2023. Chị Lê Thị X1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã LN (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân